TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **110**/2019/QĐST-HNGĐ	*Nam Từ Liêm, ngày 26 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397; Điều 212; Điều 213 – Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1) ***Chị Nguyễn Thị M***, sinh năm 1988;
Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 6, phường M, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Hiện ở: số 46 Đại Lộ Thăng Long, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2) ***Anh Hồ Văn T***, sinh năm 1986
Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 6, phường M, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Hiện ở: số 36 đường Đ, phường M, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn T và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2010, quyển số 01/2010 ngày 05/4/2010, đây là hôn nhân

hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp. Nay cả hai đều đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn, Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả anh T và chị M vẫn giữ quan điểm xin ly hôn và cùng nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Xét đơn yêu cầu về các thỏa thuận khác của các đương sự:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T có hai con chung là cháu Hồ Y, sinh ngày 25/11/2009 và cháu Hồ T, sinh ngày 12/6/2015. Cháu Y được sinh ra trong thời kỳ anh T và chị M chung sống thực tế nhưng chưa đăng ký kết hôn, cả anh T và chị M đều xác nhận cháu Hồ Y là con chung của vợ chồng và cùng thống nhất thỏa thuận giao cháu Y cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, giao cháu Phong cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị M tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Xét thấy chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn và cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 17/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hồ Văn T và chị Nguyễn Thị M.

- ***Về con chung:*** Anh Hồ Văn T và chị Nguyễn Thị M có hai con chung là cháu Hồ Y, sinh ngày 25/11/2009 và cháu Hồ T, sinh ngày 12/6/2015. Giao cháu Hồ Y cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng sau khi ly hôn; giao cháu Hồ T cho anh Hồ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của chị M chịu cả 300.000đồng lệ phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng chị M đã nộp theo biên lai số 8452 ngày 18/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh T, chị M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26/4/2019 và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Chu Thiện Nghĩa

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Nam Từ Liêm;*
- *Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;*
- *UBND xã Q, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (Để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 21/2010, quyển 01/2010, ngày 05/4/2010);*
- *Lưu: HS, VP.*